

Số: 1137/QĐ-LTT-QLKH Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chương trình liên kết đào tạo ngành Quản trị mạng máy tính
trình độ cao đẳng để áp dụng từ khoá 2020
tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 2 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-BLĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ ban hành về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 34/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành về Quy định việc công nhận đối với văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp do cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài cấp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT- BLĐTBXH, ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội ban hành về Quy định tiêu chí xác định chương trình chất lượng cao trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BLĐTBXH ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành về Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ

trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực máy tính, công nghệ thông tin và công nghệ kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 833/QĐ-LTT-TC ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

Căn cứ thực tế các ngành, nghề tuyển sinh trình độ cao đẳng tại trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học – Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình liên kết đào tạo ngành Quản trị mạng máy tính trình độ cao đẳng để áp dụng từ khóa 2020 tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) trưởng khoa Công nghệ thông tin và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP HỒ CHÍ MINH

**CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NGÀNH: QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH**

TP. Hồ Chí Minh – Năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 1137/QĐ-LTT-ĐT, ngày 08 tháng 10 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên ngành, nghề: Quản trị mạng máy tính

Mã ngành, nghề: 6480209

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy (Tín chỉ)

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Sinh viên tốt nghiệp chương trình cao đẳng chuyên ngành quản trị mạng máy tính có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; Có đủ kiến thức, năng lực thiết kế, vận hành, quản trị và bảo mật mạng LAN, WAN; Đáp ứng nhu cầu nhân lực công nghệ thông tin trong các lĩnh vực chuyên môn khác nhau.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ Kiến thức:

- Đạt bậc 3/5 của tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia;
- Tin học đạt tiêu chuẩn IC3 hoặc tương đương trở lên; Chứng nhận tin học ứng dụng do Trường cấp (trừ SV ngành Công nghệ thông tin).
- Ngoại ngữ đạt bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn; Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh trình độ B1 hoặc tương đương trở lên, giấy chứng nhận do Trường cấp
- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính;
- Trình bày được kiến thức nền tảng về mạng máy tính;
- Phân tích được nhu cầu sử dụng hệ thống mạng của khách hàng;
- Phân tích được nhu cầu nâng cấp, tối ưu hóa hệ thống mạng.
- Trình bày được nguyên tắc, phương pháp để hoạch định, thiết kế và xây dựng, cài đặt và cấu hình, vận hành và quản trị, bảo trì, sửa chữa và nâng cấp hệ thống mạng máy tính;
- Xác định được chức năng, hoạt động của thiết bị mạng trong hệ thống;

- Trình bày chính xác cấu trúc và vai trò của các dịch vụ mạng, các kiến thức mạng máy tính, quản trị mạng;
 - Xác định được các yêu cầu khai thác, cập nhật dữ liệu, tạo báo cáo trong phần mềm;
 - Trình bày được các kiến thức cơ bản về phát triển các ứng dụng trên mạng;
 - Xác định được mô hình, hệ thống mạng cần thiết cho việc khai thác dịch vụ công nghệ thông tin;
 - Mô tả được cách thiết kế và lắp đặt mạng không dây;
 - Liệt kê được các nguy cơ, sự cố mất an ninh, an toàn dữ liệu cũng như đề xuất được các giải pháp xử lý sự cố; Phân loại được các loại vi-rút và các phần mềm diệt vi-rút;
 - Phân tích, đánh giá được mức độ an toàn của hệ thống mạng và các biện pháp bảo vệ hệ thống mạng;
 - Trình bày được cách xây dựng chính sách khắc phục sự cố cáp mạng, hạ tầng mạng, hệ thống mạng, bảo mật mạng;
 - Giải thích được các thông số kỹ thuật về hệ điều hành, các dịch vụ mạng DHCP, Web, Mail, FTP, DNS;
 - Nhận diện được những nguy cơ có thể gây ảnh hưởng đến an toàn của các dịch vụ mạng;
 - Liệt kê được các hạng mục cần cấu hình để bảo mật các dịch vụ mạng;
 - Trình bày được các phương thức tấn công của tin tặc vào hệ thống mạng;
 - Trình bày được các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến được cập nhật mới nhất trong việc khắc chế các tác hại từ những cuộc tấn công mạng;
 - Trình bày được cách thức quản lý các các rủi ro về công nghệ và kỹ thuật triển khai trong hệ thống mạng;
 - Xác định được quy trình bàn giao ca, ghi nhật ký công việc;
 - Xác định được các tiêu chuẩn an toàn lao động;
- ❖ Kỹ năng:
- Khai thác được các ứng dụng trên hệ thống mạng;
 - Thiết kế, xây dựng và triển khai được hệ thống mạng cho doanh nghiệp nhỏ và trung bình;
 - Triển khai, cài đặt, vận hành (quản trị) được hệ thống thông tin cho doanh nghiệp;
 - Đánh giá được hệ thống bảo mật, mã hóa được dữ liệu;
 - Xây dựng và triển khai được hệ thống tường lửa bảo vệ hệ thống mạng;
 - Bảo trì, sửa chữa và nâng cấp được phần mềm và phần cứng của hệ thống mạng;
 - Lập được danh sách các chính sách điều khiển truy cập áp dụng cho các đối tượng trong hệ thống;

- Sử dụng được các công cụ kiểm tra, quét các lỗ hổng trên thiết bị mạng;
- Lập được hồ sơ giám sát hệ thống cáp truyền dẫn, hạ tầng thiết bị, hệ thống dịch vụ, bảo mật mạng;
- Thiết lập được quy trình khắc phục sự cố; chính sách duy trì, khắc phục sự cố;
- Quản lý được nhóm, giám sát, bảo mật được an ninh thông tin trong các hệ thống vừa và nhỏ;
- Xây dựng được các ứng dụng đơn giản trên hệ thống mạng;
- Đánh giá, lựa chọn được thiết bị hệ thống mạng không dây;
- Bảo dưỡng và khắc phục được lỗi hệ thống mạng không dây;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

❖ Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- Thực hiện công việc có đạo đức, ý thức về nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, luôn phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ: Xác định chính xác thông tin về nơi làm việc: quy mô, trang thiết bị, nhà xưởng, nội quy, quy định. Xác định đúng mục đích, yêu cầu, sản phẩm, nội quy của công việc;
- Thực hiện trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, tôn trọng bản quyền; thực hiện công việc cần cù chịu khó và sáng tạo; thực hiện công việc đúng kỷ luật lao động của tổ chức và thực hiện đúng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp;
- Thực hiện trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- Giải quyết được công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn tối thiểu, giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ xác định;
- Đánh giá được chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- Phân loại các phế phẩm như thiết bị phần cứng máy tính, mực in,... vào đúng nơi quy định tránh ô nhiễm môi trường;
- Áp dụng được các nguyên tắc về bản quyền phần mềm, sở hữu trí tuệ có trách nhiệm.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Thiết kế và xây dựng hệ thống mạng;
- Quản trị mạng hệ thống mạng;

- Quản trị, giám sát an ninh mạng;
- Bảo trì hệ thống mạng máy tính và cơ sở dữ liệu;
- Quản trị hosting, domain, website.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: **37**
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: **100** tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: **525** giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: **2060** giờ
- Khối lượng lý thuyết: **648** giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1855** giờ
- Thời gian khóa học: **2,5** năm

3. Nội dung chương trình:

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/ đại cương	30	525	240	255	30
CTC304	Giáo dục Chính trị	4(3,1,7)	75	41	29	5
CTC305	Pháp luật	2(2,0,4)	30	18	10	2
CBC305	Giáo dục thể chất (*)	2(0,2,1)	60	5	51	4
CBC307	Giáo dục quốc phòng và An ninh (*)	4(3,1,7)	75	36	35	4
TTC301	Tin học	4(1,3,4)	75	15	58	2
CBC301	Tiếng Anh 1	3(1,2,3)	40	14	24	2
CBC302	Tiếng Anh 2	3(1,2,3)	40	14	24	2
CBC303	Tiếng Anh 3	2(1,1,3)	40	14	24	2
CBC304	Tiếng Anh 4	2(2,0,4)	30	28		2
KTC301	Kỹ năng mềm (*)	4(4,0,8)	60	55		5
II	Các môn học chuyên môn ngành, nghề	70	2065	408	1600	52
II.1	Môn học cơ sở	19	407	135	253	19

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
TTC3700	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả	2(2,0,4)	30	9	20	1
TTC302	Kỹ thuật lập trình	4(2,2,5)	90	28	60	2
TTC303	Cơ sở dữ liệu	2(1,1,3)	45	13	30	2
TTC3202	Big Data	2(1,1,3)	31	16	13	2
TTC3203	Thực hành Big Data	1(0,1,2)	30		27	3
TTC3204	E-Commerce Solutions	1(1,0,1)	31	13	16	2
TTC3205	Thực hành E-Commerce Solutions	1(0,1,2)	30		27	3
TTC343	Phần cứng máy tính	3(2,1,5)	60	28	30	2
TTC344	Mạng máy tính và quản trị mạng	3(2,1,5)	60	28	30	2
II.2	Môn học chuyên môn ngành	43	1473	219	1227	27
TTC3143	Thiết lập hệ thống mạng	4(2,2,5)	90	28	60	2
TTC3144	Mạng nâng cao	4(2,2,5)	90	28	60	2
TTC348	Thiết bị mạng	3(2,1,5)	60	28	30	2
TTC350	Quản trị mạng trên Linux	3(2,1,5)	60	28	30	2
TTC349	Cấu hình mạng	3(2,1,5)	60	28	30	2
TTC3206	Data Security	2(1,1,3)	31	16	13	2
TTC3207	Thực hành Data Security	1(0,1,2)	30		27	3
TTC351	Quản trị mạng nâng cao trên Linux	3(2,1,5)	60	28	30	2
TTC3208	Mobile Technology	2(1,1,3)	31	13	16	2

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
TTC3209	Thực hành Mobile Technology	1(0,1,2)	30		27	3
TTC3210	Ethical Hacking	2(1,1,3)	31	10	19	2
TTC3214	Thực hành Ethical Hacking	2(1,1,3)	45	12	30	3
TTC356	Đồ án quản trị mạng trên Windows (**)	1(0,1,0)	45		45	
TTC357	Đồ án quản trị mạng trên Linux	1(0,1,0)	45		45	
TTC3191	Đồ án tốt nghiệp (**)	5(0,5,0)	225		225	
TTC358	Thực tập tốt nghiệp (**)	6(0,6,0)	270		270	
TTC3192	Thực tập Doanh nghiệp (**)	6(0,6,0)	270		270	
II.3	Môn học tự chọn	8	180	54	120	6
II.3.1	Nhóm 1 (Chọn 1 trong 3 môn học)	4	90	28	60	2
TTC320	Thiết kế Web	4(2,2,5)	90	28	60	2
TTC3003	Phát triển ứng dụng IoT	4(2,2,5)	90	28	60	2
TTC3120	Xây dựng hạ tầng mạng	4(2,2,5)	90	28	60	2
II.3.2	Nhóm 2 (Chọn 2 trong 3 môn học)	4	90	26	60	4
TTC364	Công nghệ ảo hóa	2(1,1,3)	45	13	30	2
TTC352	Bảo mật hệ thống thông tin	2(1,1,3)	45	13	30	2
TTC3004	Quản trị Data Center	2(1,1,3)	45	13	30	2
Tổng cộng		100	2585	648	1855	82

Các môn học được gắn dấu (*), Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh và Kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học tập nhưng là môn học điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp.

4. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
Học kỳ 1			18		
<i>Môn học bắt buộc</i>			18		
1	CBC307	Giáo dục quốc phòng và An ninh (*)	4(3,1,7)		
2	KT801	Kỹ năng mềm (*)	4(4,0,8)		
3	TTC301	Tin học	4(1,3,4)		
4	TTC302	Kỹ thuật lập trình	4(2,2,5)		
5	TTC303	Cơ sở dữ liệu	2(1,1,3)	TTC301 (b)	
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Học kỳ 2			20		
<i>Môn học bắt buộc</i>			20		
6	CBC305	Giáo dục thể chất (*)	2(0,2,1)	CBC307 (a)	
7	CTC304	Giáo dục Chính trị	4(3,1,7)	CBC305 (b) TTC3700 (b)	
8	CBC301	Tiếng Anh 1	3(1,2,3)		
9	TTC3700	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả	2(2,0,4)	KT801 (a)	
10	TTC3202	Big Data	2(1,1,3)	TTC303 (a) TTC302 (a)	
11	TTC3203	Practice with Big Data	1(0,1,2)	TTC3202 (b)	
12	TTC343	Phần cứng máy tính	3(2,1,5)		
13	TTC344	Mạng máy tính và quản trị mạng	3(2,1,5)	TTC343 (b)	
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Học kỳ 3			20		
<i>Môn học bắt buộc</i>			16		
14	CBC302	Tiếng Anh 2	3(1,2,3)	CBC301 (a)	

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
15	TTC3204	E-Commerce Solutions	2(1,1,3)		
16	TTC3205	Practice with E-Commerce Solutions	1(0,1,2)	TTC3204 (b)	
17	TTC3143	Thiết lập hệ thống mạng	4(2,2,5)	TTC344 (a)	
18	TTC348	Thiết bị mạng	3(2,1,5)	TTC344 (a)	
19	TTC350	Quản trị mạng trên Linux	3(2,1,5)	TTC344 (a)	
20	TTC356	Đồ án quản trị mạng trên Windows (**)	1(0,1,0)	TTC3143 (b)	Doanh nghiệp
<i>Môn học tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn học)</i>			4		
21	TTC320	Thiết kế Web	4(2,2,5)	TTC305 (a)	
22	TTC3003	Phát triển ứng dụng IoT	4(2,2,5)	TTC344 (a)	
23	TTC3120	Xây dựng hạ tầng mạng	4(2,2,5)		
Học kỳ 4			22		
<i>Môn học bắt buộc</i>			22		
24	CTC305	Pháp luật	2(2,0,4)	CTC304 (a)	
25	CBC303	Tiếng Anh 3	2(1,1,3)	CBC302 (a)	
26	TTC3144	Mạng nâng cao	4(2,2,5)	TTC3003 (a) TTC3120 (a)	
27	TTC349	Cấu hình mạng	3(2,1,5)	TTC3143 (a) TTC348 (a)	
28	TTC351	Quản trị mạng nâng cao trên Linux	3(2,1,5)	TTC350 (a)	
29	TTC3208	Mobile Technology	2(1,1,3)	TTC356 (a)	
30	TTC3209	Practice with Mobile Technology	1(0,1,2)	TTC3204 (b)	
31	TTC3210	Ethical Hacking	2(1,1,3)	TTC306 (a) TTC320 (a)	
32	TTC3214	Practice with Ethical Hacking	2(1,1,3)	TTC3210 (b)	
33	TTC357	Đồ án quản trị mạng trên Linux	1(0,1,0)	TTC350 (a)	
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Học kỳ 5			20		

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
<i>Môn học bắt buộc</i>			16		
34	CBC304	Tiếng Anh 4	2(2,0,4)	CBC303 (a)	
35	TTC3206	Data Security	2(1,1,3)	TTC3145 (a)	
36	TTC3207	Practice with Data Security	1(0,1,2)	TTC3206 (b)	
37	TTC3191	Đồ án tốt nghiệp (**)	5(0,5,0)	TTC347 (a) TTC349 (a) TTC357 (a) TTC351 (a) TTC3192 (b)	Doanh nghiệp
38	TTC358	Thực tập tốt nghiệp (**)	6(0,6,0)	CTC305 (a) CBC304 (b) TTC382 (b) TTC364 (b) TTC352 (b) TTC3004 (b) TTC3191 (b)	Doanh nghiệp
39	TTC3192	Thực tập Doanh nghiệp (**)	6(0,6,0)		Doanh nghiệp, Không thu học phí
<i>Môn học tự chọn (Chọn 2 trong 3 môn học)</i>			4		
40	TTC364	Công nghệ ảo hóa	2(1,1,3)	TTC3144 (a)	
41	TTC352	Bảo mật hệ thống thông tin	2(1,1,3)	TTC3144 (a)	
42	TTC3004	Quản trị Data Center	2(1,1,3)	TTC3144 (a)	
Tổng cộng			100		

Ghi chú:

City of Glasgow College sẽ cung cấp tất cả các khóa học và tài liệu đánh giá cho 5 học phần bằng tiếng Anh. Thời lượng của mỗi học phần là 24 giờ và các học phần sẽ được giảng viên Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng truyền tải bằng tiếng Việt. Ngoài ra, City of Glasgow College sẽ cung cấp các tài nguyên về Môi trường Học tập Ảo (MyCity) và thư viện E tùy chỉnh cho những sinh viên đã đăng ký các học phần để hỗ trợ việc học của họ.

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

5.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường bố trí tham quan một số cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Cần căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của mỗi trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng ngành, nghề để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định

5.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Xét công nhận tốt nghiệp thực hiện theo Quyết định số 696/QĐ-LTT-ĐT ngày 26 tháng 6 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng Kỹ sư thực hành cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

5.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

Xét công nhận tốt nghiệp thực hiện theo Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP. HCM được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 696/QĐ-LTT-ĐT ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng Kỹ sư thực hành cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

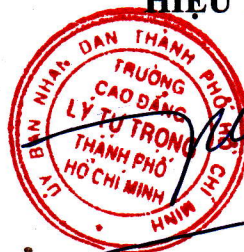
5.5. Các chú ý khác (nếu có)

Các môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và An ninh, Kỹ năng mềm và Thực tập Doanh nghiệp không tính vào điểm trung bình chung học tập nhưng là môn học điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp.

Môn học Thực tập Doanh nghiệp có số tín không tính vào tổng số tín chỉ trong chương trình. Tùy theo chuyên môn của từng ngành, nghề, Trường khoa có thể chọn 1 trong các hình thức sau để thực hiện:

- Thực tập tại Doanh nghiệp.
- Thực tập tại các xưởng chuyên môn hoặc các trung tâm doanh nghiệp liên kết đặt tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM.
- Tham gia các câu lạc bộ chuyên ngành tại khóa.
- Thực hiện các mô hình, dự án do khoa triển khai.
- Các môn học gắn dấu (**) học tại Doanh nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: Quản trị mạng máy tính

Mã ngành, nghề: 6480209

